TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2019/HS-ST
Ngày 09 tháng 10 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thể.
Ông Nguyễn Ngọc Xuyến.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà*: Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2019/TLST-HS, ngày 28/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-HS, ngày 27/9/2019 đối với bị cáo:

Hoàng Văn X, sinh ngày 10/3/1974, tại S, Tuyên Quang.
Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Bích (đã chết) và bà Hà Thị Thơm, sinh năm 1931; Vợ: Nguyễn Thị Tho, sinh năm 1980; Có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn N, sinh năm 1960. Trú tại: Khu 01 (thôn Sen), xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1960. Trú tại: Thôn T, xã T1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người làm chứng: Hoàng Văn P, Hoàng Văn C1, Dương Văn H. Ông Phong có mặt; ông Cầm, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/4/2019, ông Lê Văn N, sinh năm 1960, trú tại Khu 01, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà ông Hoàng Văn C, sinh năm 1960 ở thôn T, xã T1, huyện S (là bạn bộ đội với ông N) ăn giỗ. Quá trình ăn cơm uống rượu, Hoàng Văn X, sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã T1, huyện S (em ông C) gặp và mời ông N đến nhà chơi.

Sau khi ăn cơm, uống rượu ở nhà ông C xong, ông N một mình đến nhà X, khi đến nơi ông N ngồi uống nước tại bàn giữa nhà cùng với X và ông Dương Văn H, sinh năm 1971, trú tại thôn P, xã P1, huyện S; ông Hoàng Văn Ph, sinh năm 1962, trú tại thôn T2, xã T1, huyện S; ông Hoàng Văn C1, sinh năm 1966, trú tại thôn T, xã T1, huyện S (P, C1 là anh trai của X). Quá trình uống nước X nói chuyện năm 1998 ông N thuê X đi làm vàng nhưng chưa trả 02 tháng tiền công, ông N không thừa nhận việc nợ tiền công của X nên X đứng dậy đóng cửa nhà lại rồi xuống bếp, tay phải cầm 01 con dao nhọn, chuôi bằng gỗ đi lên phòng khách đứng đối diện, chếch chéo với ông N qua bàn uống nước, hướng mũi dao về phía ông N đe dọa sẽ chặt tay ông N, sẽ chết chung với ông N nếu ông N không trả 02 tháng tiền công bằng tiền công đi xây của X hiện tại là 20.000.000 đồng. Khi X đang nói thì có người giằng con dao trên tay X đem cất đi, X tiếp tục xuống bếp lấy lên 01 con dao khác, là loại dao chặt mía, chuôi dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại đi lên phòng khách, đứng đối diện chếch chéo qua bàn uống nước và chĩa mũi dao về phía ông N tiếp tục đe dọa. Do lo sợ X sẽ gây thương tích cho mình nên ông N gọi điện thoại cho ông C hỏi vay tiền để đưa cho X, khoảng 05 phút sau ông C đến nhà X, lúc này ông H giằng được con dao trên tay X đem cất đi, sau đó ông C có giải thích cho X nghe về việc ông N không thuê ai đi làm vàng vào năm 1998, nhưng X không nghe. Ông C về nhà lấy cho ông N vay số tiền 7.500.000 đồng để ông N đưa cho X, tuy nhiên X không đồng ý nên ông C tiếp tục lấy 01 chiếc nhẫn vàng 05 chỉ (mặt nhẫn hình vuông, trên nhẫn khắc chữ Kim Quyên 5C) đang đeo trên tay đưa cho ông N, ông N đưa chiếc nhẫn và số tiền 7.500.000 đồng cho X trước sự chứng kiến của mọi người, sau đó X mở cửa cho ông N đi về. Khi ông N ra về đến sân nhà Hoàng Văn X thì gặp mẹ của X, nên ông N biếu cho mẹ của X 100.000đ *(Một trăm nghìn đồng).*

Tại kết luận giám định số 2720/C09-P4 ngày 31/5/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình vuông, trên nhẫn có khắc chữ "Kim Quyên 5C" gửi giám định có khối lượng 18,76 gam là vàng (Au), hàm lượng Au 99,72%.

Tại kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: 01 nhẫn vàng (Au) có khối lượng 18,76 gam, hàm lượng Au 99,72%, tương đương 05 chỉ tính đến thời điểm tháng 4/2019 có giá trị 18.200.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại Cáo trạng số 104/CT-VKS, ngày 26/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Hoàng Văn X về tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn X phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn X từ 18 (mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản hiện trường và toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/4/2019, tại nhà Hoàng Văn X, sinh năm 1974, thuộc thôn T, xã T1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hoàng Văn X có hành vi cưỡng đoạt của ông Lê Văn N, sinh năm 1960, trú tại khu 1 (thôn Sen), xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền là 25.700.000 đồng *(Hai mươi năm triệu bảy trăm nghìn đồng).* Trong đó gồm 7.500.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam và 01 nhẫn vàng 5 chỉ trị giá 18.200.000 đồng *(Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng)*.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi hoàn cho bị hại toàn bộ tài sản chiếm đoạt; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố bị cáo là cụ Hoàng Văn B đã tham gia kháng chiến chống Pháp, được tặng Bằng khen và hưởng chế độ theo Quyết định số 1140/QĐ-CT ngày 26/9/2005 của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Vì vậy các chứng cứ có trong hồ sơ đều được thu thập theo trình tự tố tụng và hợp pháp.

[4] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị:

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Xét bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa bị cáo đã bồi hoàn toàn bộ tài sản chiếm đoạt cho bị hại, bị hại đã trả lại cho người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan ông Hoàng Văn C. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thêm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đang tạm giữ: 01 con dao, loại dao nhọn, dài 31,5cm, chuôi dao bằng gỗ dài 11,4cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, bị han gỉ, bản rộng nhất của lưỡi dao dài 6,2cm đã qua sử dụng. Đây là vật chứng vật chứng trong vụ án, hiện không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn X phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn X **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 03 (ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/10/2019).

Giao bị cáo cho UBND xã T1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao, loại dao nhọn, dài 31,5cm, chuôi dao bằng gỗ dài 11,4cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, bị han gỉ, bản rộng nhất của lưỡi dao dài 6,2cm đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, ngày 30/8/2019).

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Bị cáo Hoàng Văn X phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15*(Mười lăm)* ngàykể từ ngày tuyên án(09/10/2019).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã T1;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế